

UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SXD-KT&VLXD

Hung Yên, ngày tháng năm 2026

V/v cập nhật, chuyển đổi nhân công
theo nhóm theo quy định tại Thông tư
số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026
của Bộ Xây dựng

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng số 01;
- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng số 02;
- Ban Quản lý khu Đại học Phố Hiến;
- Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Xây dựng tại Công văn số 9953/BXD-KTQLXD ngày 30/6/2026 và Công văn số 4073/UBND-KT1 ngày 01/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc rà soát, cập nhật hệ thống định mức xây dựng, đơn giá nhân công xây dựng. Để việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh Hưng Yên được thống nhất và phù hợp quy định của pháp luật hiện hành, trong thời gian Sở Xây dựng chưa công bố đơn giá nhân công xây dựng theo quy định tại Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng, các chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn và tổ chức, cá nhân có liên quan lập, quản lý chi phí áp dụng, vận dụng đơn giá nhân công chuyển đổi theo nhóm quy định tại Phụ lục III Thông tư số 37/2026/TT-BXD như sau:

BẢNG CHUYỂN ĐỔI GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG THEO NHÓM

(Căn cứ theo mục 4 Phụ lục III Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Nhân công xây dựng	Đơn vị tính	Giá nhân công xây dựng theo khu vực (đồng)		
			Vùng II	Vùng III	Vùng IV
I	Nhóm nhân công xây dựng				
1	Nhóm 1	ngày công	248.737	234.105	228.618
2	Nhóm 2	ngày công	298.012	281.738	274.618
3	Nhóm 3	ngày công	310.899	293.922	286.494
4	Nhóm 4	ngày công	332.035	316.508	308.576

II	Nhóm nhân công vận hành máy, điều khiển máy				
1	Nhóm vận hành máy, điều khiển máy	ngày công	343.419	323.606	322.506
2	Nhóm lái xe	ngày công	324.868	306.125	305.084
3	Thủy thủ, thợ máy	ngày công	342.000	325.000	321.000
4	Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc I, kỹ thuật viên cuốc II tàu sông	ngày công	383.000	369.000	362.000
5	Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc I, kỹ thuật viên cuốc II tàu biển	ngày công	388.000	380.000	369.000
6	Thuyền trưởng, thuyền phó	ngày công	465.000	431.000	390.000
III	Nhóm nhân công thực hiện các công tác khác				
1	Kỹ sư thực hiện khảo sát, thí nghiệm	ngày công	321.000	310.000	300.000
2	Thợ lặn	ngày công	582.000	561.000	550.000
3	Nghệ nhân	ngày công	575.000	513.000	510.000

Quy định về vùng:

- Vùng II, gồm các phường: Phố Hiến, Sơn Nam, Hồng Châu, Mỹ Hào, Đường Hào, Thượng Hồng, Thái Bình, Trần Lãm, Trần Hưng Đạo, Trà Lý, Vũ Phúc và các xã Tân Hưng, Yên Mỹ, Việt Yên, Hoàn Long, Nguyễn Văn Linh, Như Quỳnh, Lạc Đạo, Đại Đồng, Nghĩa Trụ, Phụng Công, Văn Giang, Mỹ Sở.

- Vùng III, gồm các xã: Hoàng Hoa Thám, Tiên Lữ, Tiên Hoa, Quang Hưng, Đoàn Đào, Tiên Tiến, Tống Trân, Lương Bằng, Nghĩa Dân, Hiệp Cường, Đức Hợp, Ân Thi, Xuân Trúc, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Trãi, Hồng Quang, Khoái Châu, Triệu Việt Vương, Việt Tiến, Chí Minh, Châu Ninh, Thái Thụy, Đông Thụy Anh, Bắc Thụy Anh, Thụy Anh, Nam Thụy Anh, Bắc Thái Ninh, Thái Ninh, Đông Thái Ninh, Nam Thái Ninh, Tây Thái Ninh, Tây Thụy Anh, Tiền Hải, Tây Tiền Hải, Ái Quốc, Đông Châu, Đông Tiền Hải, Nam Cường, Hưng Phú, Nam Tiền Hải.

- Vùng IV, gồm các xã, phường còn lại.

Việc áp dụng đơn giá nhân công chuyển đổi theo nhóm lập dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hưng Yên được thực hiện kể từ ngày **01/7/2026** cho đến khi có văn bản thay thế của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để nghiên cứu, xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, KT&VLXD,L.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vũ Mạnh Hùng